

Số: 40/2026/QĐST-HNGĐ

Thanh Hóa, ngày 08 tháng 04 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7, TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 146 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 72/2026/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 03 năm 2026 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con”. Gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Anh Lê Văn T - Sinh năm: 1994

Địa chỉ: Thôn X, xã K, tỉnh Thanh Hóa

Số CCCD: 0380.9400.2100 Ngày cấp: 28/09/2021

Chị Vương Thị T1 - Sinh năm: 1995

Địa chỉ: Thôn X, xã K, tỉnh Thanh Hóa

Số CCCD: 0381.9501.5610 Ngày cấp: 02/08/2024

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về hôn nhân: Anh Lê Văn T và chị Vương Thị T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 21/07/2015 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (Nay là UBND xã K, tỉnh Thanh Hóa). Sau ngày cưới vợ, chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do vợ, chồng không có tiếng nói chung, không cùng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Đến nay, anh T và chị T1 đều xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 7 – Thanh Hóa giải quyết cho hai bên được ly hôn.

[2]. Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Lê Ngọc H, sinh ngày: 01/03/2016; Lê Gia N, sinh ngày: 21/11/2017 và Lê Văn K, sinh ngày: 06/03/2024. Sau khi ly hôn, anh T và chị T1 thỏa thuận giao cháu Lê Gia N cho anh Lê Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Lê Ngọc H và Lê Văn K cho chị Vương Thị T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[3]. Về tài sản: Anh Lê Văn T và chị Vương Thị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về các vấn đề khác: Anh Lê Văn T và chị Vương Thị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Anh Lê Văn T và chị Vương Thị T1 thỏa thuận, chị T1 là người chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn T và chị Vương Thị T1 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Lê Gia N, sinh ngày: 21/11/2017 cho anh Lê Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Lê Ngọc H, sinh ngày: 01/3/2016 và Lê Văn K, sinh ngày: 06/03/2024 cho chị Vương Thị T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Anh T và chị T1 có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Vương Thị T1 tự nguyện nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm chị T1 đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Phòng thi hành án dân sự Khu vực 7 – Thanh Hóa theo biên lai số: 0002173 ngày 23/3/2026. Chị Vương Thị T1 đã nộp đủ tiền lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 7;
- UBND xã Kim Tân;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Đặng Xuân Sơn